

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2023/HS-ST
Ngày: 10-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Xà.

Ông Lê Quang Nhuận.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Phan Thị Thuỳ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** ông Lê Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 119/2023/QĐ-TA, ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 01/5/1993, tại huyện B, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký HKTT: Bản B, xã H, huyện B, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản X, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Phi S (đã chết) và bà Lù Thị T, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không, Tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2015 bị Toà án nhân dân huyện B kết án 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đến ngày 08/3/2018 chấp hành xong hình phạt, đã được xoá án tích và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ ngày 27/02/2023, tạm giam từ ngày 08/3/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn D (tên gọi khác: không), sinh ngày: 09/3/1997, tại thành phố P, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: bản K, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn T (đã chết) và bà Lò Thị L (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01 (một) tiền án về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/11/2021 bị Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ kết án 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 17/12/2022 chấp hành xong

hình phạt tù, chưa được xoá án tích và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2023, tạm giam từ ngày 08/3/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: bà Lê Thị X, Luật sư Văn phòng Công lý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Lò Văn T, sinh năm 1999; Trú tại: bản X, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

Người chứng kiến:

- Ông Lù Văn S, sinh năm 1963; Trú tại: bản X, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

- Ông Lò Văn L, sinh năm 1969; Trú tại: bản X, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 27/2/2023, Lò Văn D mang theo 90.000 đồng đi bộ từ nhà ở bản K, xã T, thành phố P, tỉnh Điện Biên ra đến khu vực đường phía sau Trại Tạm giam Noong Bua Công an tỉnh Điện Biên, D xin đi nhờ xe của một người đàn ông khoảng 30 tuổi xuống bản X, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên với mục đích để tìm mua ma túy sử dụng. Khi gần đến bản X, D xuống xe ở đường Quốc lộ 279, một mình đi bộ vào bản X gặp 03 người thanh niên đang sử dụng ma túy ở cạnh đường; Diên hỏi chỗ mua ma túy, một người đứng dậy chỉ vào nhà Lò Thị L cách đó khoảng 20 mét và bảo trong đó có người đàn ông tên T đang bán ma túy. Lò Văn D đi đến nhà L nhưng không vào nhà mà đứng bên ngoài tường bao gọi T, T đi từ trong nhà bếp ra chỗ D đang đứng ngoài tường bao, D bảo T bán cho 90.000 đồng Heroine và lấy tiền đưa qua tường bao cho T (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng), T cầm tiền cất vào túi quần đồng thời đưa cho D 01 gói Heroine được bọc bên ngoài bằng nilon màu hồng. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi D cầm gói Heroine trên tay trái đi về, đi cách chỗ mua ma túy khoảng 10 mét thì bị Công an huyện B phát hiện bắt giữ cùng gói Heroine có khối lượng là 0,16 gam. Căn cứ vào lời khai của D tố công tác Công an huyện B vào nhà L thì thấy T đang cho các gói Heroine và Methamphetamine vào trong miệng nhằm phi tang, tố công tác đã kịp thời giữ T và thu giữ trong miệng Túng 53 gói Heroine có tổng khối lượng 19,75 gam và 02 gói Methamphetamine có tổng khối lượng 10,55 gam; thu giữ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 90.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng tại túi quần bên trái; tố công tác đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với T. Tiếp tục tiến hành khám xét nơi ở của Lò Thị L kết quả thu giữ trong tủ quần áo 77 gói Heroine có tổng khối lượng 77,12 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 425/KL-KTHS, ngày 07/3/2023, của Phòng Kỹ

thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn D là 0,16 gam; mẫu cục bột màu trắng thu giữ của Lò Văn D gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Hoàn lại đối tượng giám định 0,1 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 426/KL-KTHS, ngày 07/3/2023, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Phạm Văn T gồm 19,75 gam cục bột màu trắng; 10,55 gam cục bột màu hồng; mẫu cục bột màu trắng thu giữ của Phạm Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine; hoàn lại đối tượng giám định 19,4 gam. Mẫu cục bột màu hồng thu giữ của Phạm Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine; hoàn lại đối tượng giám định 8,8 gam.

Tại kết luận giám định số 459/KL-KTHS, ngày 06/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số mã hiệu QH 22484961 là tiền thật; 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng có số mã hiệu cụ thể CN 21760793, DQ 22382352 là tiền thật.

Cáo trạng số 53/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Lò Văn D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Lò Văn D, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 15 năm đến 16 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau: tịch thu tiêu hủy 8,8 gam Methamphetamine và 19,5 gam Heroine (đã trừ mẫu vật gửi giám định). Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 90.000 đồng thu giữ của Phạm Văn T. Về án phí, đề nghị áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Phạm Văn T và Lò Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo phạm tội do bản thân không

có nghề nghiệp, là người nghiện ma túy, nguồn gốc ma túy không phải của bị cáo, bị cáo là người bán thuê; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt chính đối với bị cáo. Đồng thuận với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí.

Người chứng kiến ông Lù Văn S, ông Lò Văn L trình bày tại cơ quan điều tra: ngày 27/02/2023 các ông được Công an mời chứng kiến việc khám xét và bắt khẩn cấp đối với Phạm Văn T ở bản X xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên. Khi bắt khẩn cấp và khám xét nơi ở của T Công an đã thu giữ được trong mồm của T 53 gói nhỏ nilon bên trong các túi có cục chất bột màu trắng nghi là Heronie và 02 gói nilon bên trong có các chất bột màu hồng nghi ma túy tổng hợp; thu giữ tại túi quần bên trái của T số tiền 90.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng). Các ông S và L đều nghe thấy Phạm Văn T khai nhận với Công an, 55 gói nilon cục chất bột màu trắng và chất bột màu hồng là ma túy loại Heroine và Hồng phiến của Đặng Văn Cương là người sống ở nhà trên đưa cho T để bán lẻ, C sẽ trả công cho T bằng ma túy để Tùng sử dụng. Phạm Văn T còn khai nhận số tiền bị thu giữ 90.000 đồng là tiền Tùng vừa bán 01 gói ma túy cho Lò Văn D ngay trước khi bị bắt. Việc khai báo của T là tự nguyện, không ai ép buộc, không bị ai đánh đập.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn T trình bày tại cơ quan điều tra: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/02/2023 trong khi đang ngủ tại nhà của chị gái tên Lò Thị L tại bản X, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên thì thấy ồn ào, ông T dậy và thấy Công an đang bắt giữ Phạm Văn T ở dưới bếp nhà chị L. Sau đó ông T thấy Công an thu giữ trong túi quần bên trái của Phạm Văn T số tiền 90.000 đồng và thu giữ trong mồm của Phạm Văn T 01 bọc ma túy gồm Heroine và Hồng phiến. Khi khám xét nhà của chị L Công an còn thu giữ trong chiếc áo khoác treo trong tủ của chị L 01 túi nilon màu trắng có dây rút màu đen bên trong có chứa Heroine, ngoài ra không thu giữ gì thêm. Ông Lò Văn T còn trình bày, tháng 01/2023, chị L đi chấp hành án có nhờ ông trông coi nhà, nhưng ông T không thường xuyên xuống nhà ở. Việc Phạm Văn T có sử dụng ma túy và bán ma túy tại nhà bếp của chị L ông Lò Văn T không biết. Số ma túy thu giữ trong tủ của chị L ông T cũng không biết của ai.

Trong phần tranh luận: Người bào chữa cho bị cáo T không có ý kiến gì đối đáp với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo cũng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về tội danh cũng như hình phạt; trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn D và hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Văn T:

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định như sau:

Nhằm mục đích sử dụng, trưa ngày 27/02/2023, bị cáo Lò Văn D mua được 0,16 gam Heroine với giá 90.000 đồng của bị cáo Phạm Văn T. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi bị cáo D cầm Heroine đi về thì bị Công an huyện B phát hiện bắt giữ.

Ngay sau đó, tại nhà Lò Thị Loan tổ công tác Công an huyện B bắt khẩn cấp đối với bị cáo Phạm Văn T thu giữ trong miệng bị cáo T 53 gói Heroine có tổng khối lượng 19,75 gam và 02 gói Methamphetamine có tổng khối lượng 10,55 gam; thu giữ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 90.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng tại túi quần bên trái, T khai số tiền bị thu giữ là tiền Tùng vừa bán Heroine cho D. Tiếp tục tiến hành khám xét nơi ở của Lò Thị L kết quả thu giữ trong tủ quần áo 77 gói Heroine có tổng khối lượng 77,12 gam.

Lời khai của bị cáo D phù hợp với lời khai của bị cáo T; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01- 03); biên bản khám xét (BL 60-61); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 62-67); biên bản xác định hiện trường và bản ảnh (BL 68-83); biên bản nhận dạng (BL 84-89; biên bản mở niêm phong và xác định khối lượng lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại vật chứng (BL 90-96); kết luận giám định (BL 105, 106, 108); biên bản ghi lời khai của người chứng kiến ông Lù Văn S, ông Lò Văn L (BL 254-255, 258-259); biên bản ghi lời khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lò Văn T (BL 262-266) và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Lò Văn D mua 0,16 gam Heroine của bị cáo Phạm Văn T cất giấu trong người để sử dụng. Hành vi của bị cáo gây nguy hại lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Cũng có đủ cơ sở để xác định bị cáo Phạm Văn T đã bán 0,16 gam Heroine cho bị cáo Lò Văn D và nhận 90.000 đồng; cất giấu 19,75 gam Heroine và 10,55 gam Methamphetamine để bán lẻ tìm kiếm lợi nhuận. Hành vi của bị cáo gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, khối lượng chất ma túy mà bị cáo T phải chịu trách nhiệm bao gồm số ma túy bị thu giữ trong người bị cáo T và 0,16 gam Heroine bị cáo T bán cho bị cáo D, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng 53/CT-VKS-P1 ngày 29/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn D, Phạm Văn T về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 77 gói Heroine có tổng khối lượng 77,12 gam thu giữ khi khám xét tại nơi ở của Lò Thị L chưa xác định được của ai. Ngày 14/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01 về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự và giữ lại số vật chứng trên để tiếp tục điều tra theo thẩm quyền là đúng quy định. Hội đồng xét

xử không đặt vấn đề xem xét trong vụ án này.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội; vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm. Hành vi của các bị cáo xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là một trong các nguyên nhân gây mất trật tự, an toàn xã hội. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: biết rõ việc Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy với đời sống và sức khỏe của con người, nhưng để thỏa mãn nhu cầu ma túy của bản thân và tìm kiếm lợi nhuận mà các bị cáo cố ý thực hiện hành vi Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tổ chức, không thuộc trường hợp đồng phạm.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo

Bị cáo Phạm Văn T được gia đình tại điều kiện cho đi học phổ thông đến lớp 10/12 thì bỏ học; bị cáo không có tiền sự; không có tình tiết tăng nặng. Về nhân thân: Ngày 15/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy đến ngày 08/3/2018 chấp hành xong hình phạt ra trại về địa phương sinh sống, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đã được xóa án tích. Về các tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho bị cáo về tình tiết “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lò Văn D sinh ra và lớn lên trong gia đình dân tộc Thái, được gia đình tạo điều kiện cho đi học đến lớp 8/12 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất. Về nhân thân bị cáo không có tiền sự; về tiền án: ngày 29/11/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ kết án 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đến ngày 17/12/2022 chấp hành xong hình phạt tù, tính thời điểm phạm tội lần này chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên áp dụng tình tiết “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo, hình phạt vừa mang tính răn đe, giáo dục vừa thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã ăn năn, hối cải. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo T, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có tài sản giá trị; các bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác của vụ án:

Theo lời khai của bị cáo Phạm Văn T: nguồn gốc số ma túy Công an thu giữ trong miệng bị cáo T và số ma túy bán cho bị cáo D là của Đặng Xuân C sinh năm 1980, trú tại bản T B, xã T, huyện B, tỉnh Điện Biên đưa cho T bán. Kết quả xác minh Đặng Xuân C không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Lò Thị L, quá trình tố tụng làm rõ tháng 01/2023 L đi chấp hành án phạt tù tại trại giam, vì vậy Loan không biết Đặng Xuân C và Phạm Văn T mua bán trái phép chất ma túy tại nhà của L, nên chưa có đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về vật chứng: áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- 8,8 gam Methamphetamine và 19,5 gam Heroine (đã trừ mẫu vật gửi giám định) là vật nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 90.000 đồng thu giữ của Phạm Văn T vì đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

[8] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: không) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15 (*mười lăm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2023.

1.2. Bị cáo Lò Văn D (tên gọi khác: không) phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn D 15 (*mười lăm*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2023.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

**** Tịch thu tiêu hủy các vật sau:***

- 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên được dán kín mép. Mặt trước phong bì ghi chữ viết tay: “Mẫu vật và bì niêm phong cũ hoàn lại theo kết luận giám định số 426/KL-KTHS, ngày 07/3/2023 của Phòng KTHS-CAT Điện Biên. Khối lượng mẫu hoàn lại số 1: 19,4 gam, số 2: 8,8 gam”. Mặt sau phong bì trên mép dán có các chữ ký của Nguyễn Thúy M, Quàng Văn T và đóng 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

- 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên được dán kín mép. Mặt trước phong bì ghi chữ viết tay: “Mẫu vật và bì niêm phong cũ hoàn lại theo kết luận giám định số 425/KL-KTHS, ngày 07/3/2023 của Phòng KTHS-CAT Điện Biên. Khối lượng mẫu hoàn lại: 0,1 gam”. Mặt sau phong bì trên mép dán có các chữ ký của Hoàng Xuân L, Quàng Văn T và đóng 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

**** Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước:***

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 90.000 đồng thu giữ của Phạm Văn T đã được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên được dán kín mép. Mặt trước phong bì ghi chữ: “Mẫu vật giám định tiền Việt Nam đồng vụ Phạm Văn T, sinh năm 1993, nơi thường trú: bản Bó, xã H, huyện B, tỉnh Điện Biên về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy”. Mặt sau phong bì trên mép dán có các chữ ký của Đậu Thành B, Quang Văn T và đóng 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 30 tháng 5 năm 2023).

3. Về án phí: áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ

luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Lò Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Văn T, bị cáo Lò Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lò Văn T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Các Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa